

Bản án số: 26 /2021/DS-PT
Ngày: 28 - 01 -2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Nữ Phà Ca

Các Thẩm phán: Ông Lâm Triệu Hữu

Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Yến – Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà Trần Ngọc Bích - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 261/2020/TLPT-DS ngày 08 tháng 12 năm 2020 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 63/2020/DSST ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 327/2020/QĐPT-DS ngày 15 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T1; Cư trú tại: Ấp I, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn:

1. Chị Nguyễn Thị Ngọc T2; Cư trú tại: Ấp 7, xã L, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T2: Anh Nguyễn Văn D. (Văn bản ủy quyền ngày 07/9/2020).

2. Anh Nguyễn Văn D; HKTT: Đường H, phường B, quận M, thành phố Hồ Chí Minh; Hiện tạm trú tại: Ấp 7, xã L, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Lê Văn U; Cư trú tại: Ấp I, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T2 và anh Nguyễn Văn D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 27 tháng 7 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị T1 trình bày:

Chị Nguyễn Thị Ngọc T2 và anh Nguyễn Văn D chung sống với nhau như vợ chồng có vay tiền của chị 03 lần tiền với mục đích bổ sung vốn kinh doanh xe, cụ thể như sau:

Ngày 07/02/2016 âm lịch, chị T2 và anh D vay của chị số tiền 400.000.000 đồng, vay có lập hợp đồng.

Ngày 16/3/2018 âm lịch, chị T2 và anh D vay của chị số tiền 400.000.000 đồng, vay có lập biên nhận.

Ngày 24/3/2018 âm lịch, chị T2 và anh D vay của chị số tiền 400.000.000 đồng, vay có lập biên nhận.

Thời gian thỏa thuận trả vốn đối với khoản vay theo hợp đồng ngày 07/02/2016 thì chị T2 và anh D hẹn đến ngày 07/02/2018 nhưng đến hạn do nhu cầu thiếu vốn nên chị T2 và anh D vay thêm 800.000.000 đồng với thời gian nói trên.

Khi nhận được tiền lần sau cùng, chị T2 và anh D hẹn khi nào chị cần báo trước thì sẽ trả đủ vốn và lãi cho chị. Đến khi chị thông báo thời gian thu hồi vốn và lãi thì chị T2 và anh D không thực hiện theo thỏa thuận.

Nay chị yêu cầu chị T2 và anh D phải liên đới trả cho chị số tiền 1.200.000.000 đồng. Ngoài ra, không có yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai ngày 28/8/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T2, anh Nguyễn Văn D trình bày:

Anh chị thừa nhận có vay của chị T1 số tiền là 1.200.000.000 đồng. Tuy nhiên, các lần vay và số tiền vay từng lần không phù hợp, cụ thể như sau:

Lần 1: Vào tháng 01/2016, anh chị vay số tiền 200.000.000 đồng.

Lần 2: Vào ngày 15/3/2016, anh chị vay số tiền 400.000.000 đồng (có hợp tác xã làm chứng để mua xe 51B-196.21).

Lần 3: Vào tháng 4/2016, anh chị vay số tiền 200.000.000 đồng.

Lần 4: Vào tháng 6/2016, anh chị vay số tiền 200.000.000 đồng.

Lần 5: Vào tháng 5/2017, anh chị vay số tiền 200.000.000 đồng.

Mức lãi suất theo thỏa thuận là 3%/tháng, anh chị có đóng lãi cho chị T1 đến cuối năm 2018 thì chốt nợ nên anh chị còn nợ chị T1 số tiền là 1.200.000.000 đồng. Sau đó, anh chị tiếp tục đóng lãi cho chị T1 đến tháng 4/2020 do tình hình dịch Covid 19 kinh tế khó khăn nên không có khả năng đóng lãi cho chị T1.

Tại bản tự khai ngày 06 tháng 9 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Văn U trình bày: Anh thống nhất theo lời trình bày của chị T1. Ngoài ra, không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 63/2020/DS-ST ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 465, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T2 và anh Nguyễn Văn D phải có trách nhiệm liên đới cho chị Nguyễn Thị T1 số tiền vốn vay theo biên nhận và hợp đồng vay các ngày 07/02/2016 âm lịch, ngày 16/3/2018 âm lịch, ngày 24/3/2018 âm lịch là 1.200.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 28 tháng 10 năm 2020, bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T2 và anh Nguyễn Văn D có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm vì đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị Ngọc T2 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Anh chị xác định còn nợ chị T1 số tiền 1.200.000.000 đồng và đồng ý trả nhưng anh chị cho rằng anh chị không phải là vợ chồng chỉ là bạn bè góp vốn thỏa thuận lợi nhuận chia đôi nên anh chị yêu cầu chia đôi số nợ mỗi người đồng ý trả cho chị T1 số tiền 600.000.000 đồng, không đồng ý cùng liên đới trả số tiền 1.200.000.000 đồng.

Chị T1 không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của bị đơn đề nghị anh D, chị T2 liên đới trả số tiền nợ 1.200.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến xét xử phúc thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh D, chị T2, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm. Anh D, chị T2 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo chị T2 thừa nhận từ tháng 02 năm 2016 âm lịch đến năm tháng 3 năm 2018 âm lịch anh chị nhiều lần vay tiền của chị T1. Mỗi lần vay tiền anh chị đều lập biên nhận vay do chị T1 giữ và hai bên thỏa thuận lãi vay 3%/tháng. Đến ngày 16/3/2018 âm lịch anh chị còn nợ chị T1 số tiền vốn bằng 1.200.000.000 đồng. Tuy nhiên, chị T2 cho rằng vào năm 2018 khi anh D, chị T2 không có khả năng trả vốn, lãi thì chị T1 có gặp anh D, chị T2 kết nợ và buộc anh, chị ký vào biên nhận tổng xác định còn nợ chị T1 số tiền 1.200.000.000 đồng nhưng anh chị không có thu hồi lại các biên nhận vay trước đó. Còn chị T1 thì cho rằng từ tháng 02 năm 2016 âm lịch đến nay chị chỉ cho anh D, chị T2 vay 3 lần tiền theo các biên nhận vay ngày 07/02/2016 âm lịch số tiền vay là 400.000.000 đồng, biên nhận mượn tiền ngày 24/3/2016 âm lịch đối với số tiền 400.000.000 đồng và biên nhận mượn tiền ngày 16/3/2018 âm lịch đối với số tiền 400.000.000 đồng. Tổng cộng 1.200.000.000 đồng. Ngoài ra anh D, chị T2 không còn nợ khoảng tiền nào khác và giữa chị với anh D, chị T2 không có kết lại số nợ, chị cũng không buộc anh D, chị T2 ký vào biên nhận xác định còn nợ chị số tiền 1.200.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, chị T2, anh D thừa nhận còn nợ chị T1 số tiền vốn bằng 1.200.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền trên. Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây không phải là tình tiết, sự kiện phải chứng minh. Do đó, án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị T1 xác định anh D, chị T2 còn nợ chị T1 số tiền 1.200.000.000 đồng là có căn cứ.

[2] Tại phiên tòa anh D, chị T2 kháng cáo đồng ý trả số tiền vốn đã vay của chị T1 1.200.000.000 đồng nhưng không đồng ý liên đới cùng trả số tiền trên. Anh D, chị T2 yêu cầu mỗi người có trách nhiệm trả cho chị T1 số tiền 600.000.000 đồng và cho rằng giữa anh D, chị T2 chỉ là bạn bè hùn làm ăn kinh doanh chung, khi kinh doanh hai bên có phân chia lợi nhuận rõ ràng là mỗi người $\frac{1}{2}$ sau khi trừ chi phí. Xét các biên nhận vay ngày 15/3/2016, ngày 24/3/2018 âm lịch, ngày 16/3/2018 âm lịch đều thể hiện anh D, chị T2 cùng vay chung số tiền 1.200.000.000 đồng và các bên không có thỏa thuận phân chia nghĩa vụ phải trả mỗi người là $\frac{1}{2}$ số tiền vay. Ngoài ra, anh D, chị T2 cũng không chứng minh được anh chị mỗi người chỉ sử dụng $\frac{1}{2}$ số tiền vay trên. Mặt khác, tại phiên tòa chị T1 không đồng ý cho anh D, chị T2 mỗi người trả $\frac{1}{2}$ số tiền vay trên. Căn cứ Điều 288 Bộ luật dân sự năm 2015 thì anh D, chị T2 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị T1 số tiền 1.200.000.000 đồng.

Do đó, án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T1 buộc anh D, chị T2 liên đới trả cho chị T1 số tiền 1.200.000.000 đồng là có căn cứ. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh D, chị T2.

[3] Anh D, chị T2 kháng cáo yêu cầu xem xét Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm về việc phong tỏa tài sản đối với các thửa đất 820,825, 821, loại đất ở nông thôn, tờ bản đồ số 9 (nay theo dự án Vlap thuộc thửa 53, diện tích 74,7m²), tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện V do chị Nguyễn Thị Ngọc T2 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Anh D, chị T2 cho rằng cấp sơ thẩm khi áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đã không tổng đạt cho các đương sự và quyết định ghi sai tên đương sự. Tại biên bản giao nhận ngày 28/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm (BL 38) thể hiện Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm đã thực hiện việc tổng đạt trực tiếp quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2020/QĐ-BPKCTT ngày 26/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm cho anh D nhận và theo Điều 139, Điều 140, Điều 141 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đương sự có quyền khiếu nại quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đến Chánh án Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm trong thời hạn 03 ngày làm việc. Tại Công văn số

204/CV.CNVPĐKĐĐ ngày 24/8/2020 xác định chị Nguyễn Thị Ngọc T2 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất 820,825, 821, loại đất ở nông thôn, tờ bản đồ số 9 (nay theo dự án Vlap thuộc thửa 53, diện tích 74,7m²), tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện V. Và trình tự thủ tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản theo Quyết định số 05/2020/QĐ-BPKCTT ngày 26/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm là đúng theo quy định tại Điều 114, 126,133,136 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh D, chị T2. Căn cứ Điều 19 Nghị quyết 02/2020/NQ_HĐTP ngày 24/9/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về các biện pháp khẩn cấp tạm thời của Bộ luật tố tụng dân sự tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 05/2020/QĐ-BPKCTT ngày 26-8-2020 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản người có nghĩa vụ”.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị T1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho chị T1 số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 24.000.000 đồng theo biên lai số 8364 ngày 04 tháng 8 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Anh Nguyễn Văn D, chị Nguyễn Thị Ngọc T2 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là đối với số tiền có nghĩa vụ liên đới trả cho chị T1 là: 1.200.000.000 đồng = 36.000.000 đồng + 3% (1.200.000.000 đồng – 800.000.000 đồng = 400.000.000 đồng) = 48.000.000 đồng.

Áp phí dân sự phúc thẩm: do không chấp nhận kháng cáo của các đương sự nên các bị đơn anh D, chị T2 mỗi người phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu số 8606, số 8605 ngày 29 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long được khấu trừ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí,

lệ phí Tòa án và Điều 19 Nghị quyết 02/2020/NQ-HĐTP ngày 24/9/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Văn D, chị Nguyễn Thị Ngọc T2; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 63/2020/DSST ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng Điều 274, Điều 288, Điều 463, Điều 465, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T1.

Buộc anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị Ngọc T2 có nghĩa vụ liên đới trả cho chị T1 số tiền vốn là 1.200.000.000 đồng (một tỷ hai trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự:

Chị Nguyễn Thị T1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho chị T1 số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 24.000.000 đồng theo biên lai số 8364 ngày 04 tháng 8 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Anh Nguyễn Văn D, chị Nguyễn Thị Ngọc T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 48.000.000 đồng và mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền các bị đơn tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu số 8606, số 8605 ngày 29 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long được khấu trừ. Sau khi khấu trừ anh D, chị T2 còn phải nộp tiếp số tiền là 48.000.000 đồng (bốn mươi tám triệu đồng).

3. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 05/2020/QĐ-BPKCTT ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ”.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- CA: 01;
- TACC: 01;
- VKSND TVL: 02;
- TAND H.VL: 01;
- VKSND H.VL: 01;
- Chi Cục THADS H.VL: 01;
- Dương sự: 04;
- Lưu: 04.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Sơn Nữ Phà Ca